

Lab 6 – Tạo Dashboard Customer Detail (Thao tác với một số loại biểu đồ và bộ Filter)

Trong Lab này các bạn sẽ được thực hành xây dựng Dashboard **Customer Detail** trong Power BI Desktop, Dashboard này sẽ trình bày các thông tin liên quan đến khách hàng như doanh thu, lợi nhuận theo giới tính khách hàng, theo mức thu nhập, theo độ tuổi... Mở file [Lab 6 - Practice.pbix](#), và thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Xây dựng Dashboard Customer Detail
- Lưu lại file thực hành với định dạng .pbix

Lưu ý: Khi mở file thực hành, các bạn sẽ phải cấu hình lại Data Source để phù hợp với nơi các bạn chứa dữ liệu.

Nội dung thực hành

1. Tạo Page Report	3
1.1 Thêm một Matrix Visual	3
1.2 Sắp xếp Matrix Visual	4
1.3 Định cột có điều kiện cho Matrix Visual.....	5
2. Tạo Donut Chart.....	6
2.1 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo Gender (giới tính)	6
2.2 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo IncomeLevel (mức thu nhập)	6
2.3 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo Occupation (nghề nghiệp)	7
2.4 Căn chỉnh toàn bộ Dount Chart	7
3. Tạo biểu đồ Line và Clustered Column	8
4. Tạo Treemap	9
5. Tạo Card.....	9
5.1 Tạo FullName Card theo các yêu cầu.....	9
5.2 Tạo Total Orders Card	13
5.3 Tạo Total Revenue Card.....	14
6. Lưu lại file thực hành với định dạng .pbix.....	14

1. Tạo Page Report

Tạo một Page Report mới có tên là “Customer Detail” và hoàn thành các yêu cầu sau:

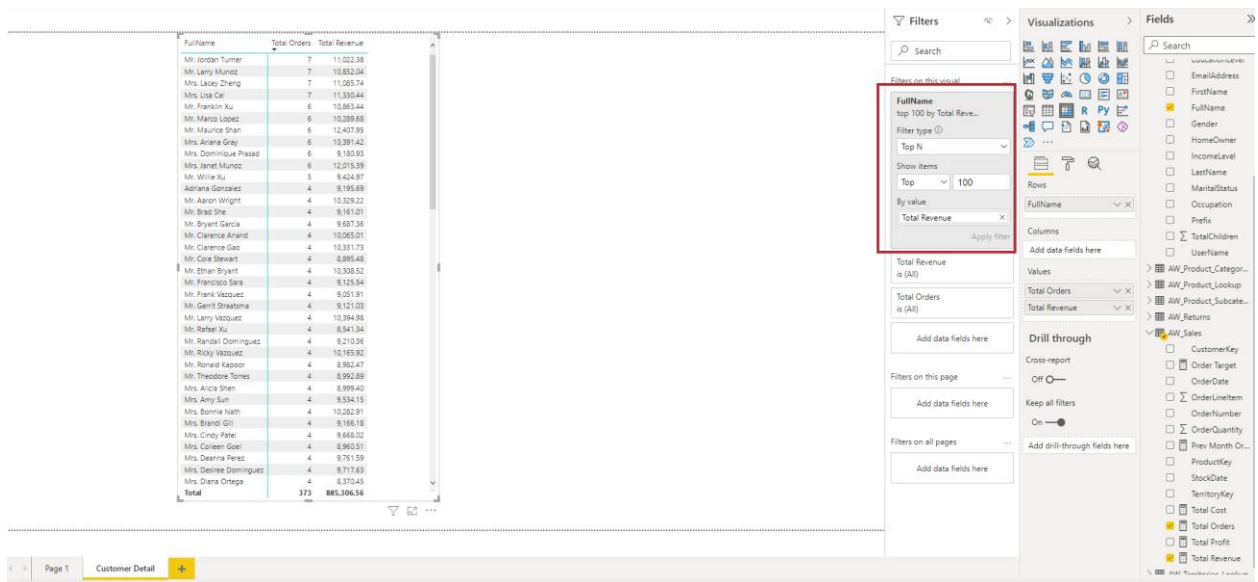
1.1 Thêm một Matrix Visual

Thêm một Matrix Visual hiển thị **Total Orders** và **Total Revenue** theo Customer **FullName** (Lọc top 100 Customer theo Total Revenue)

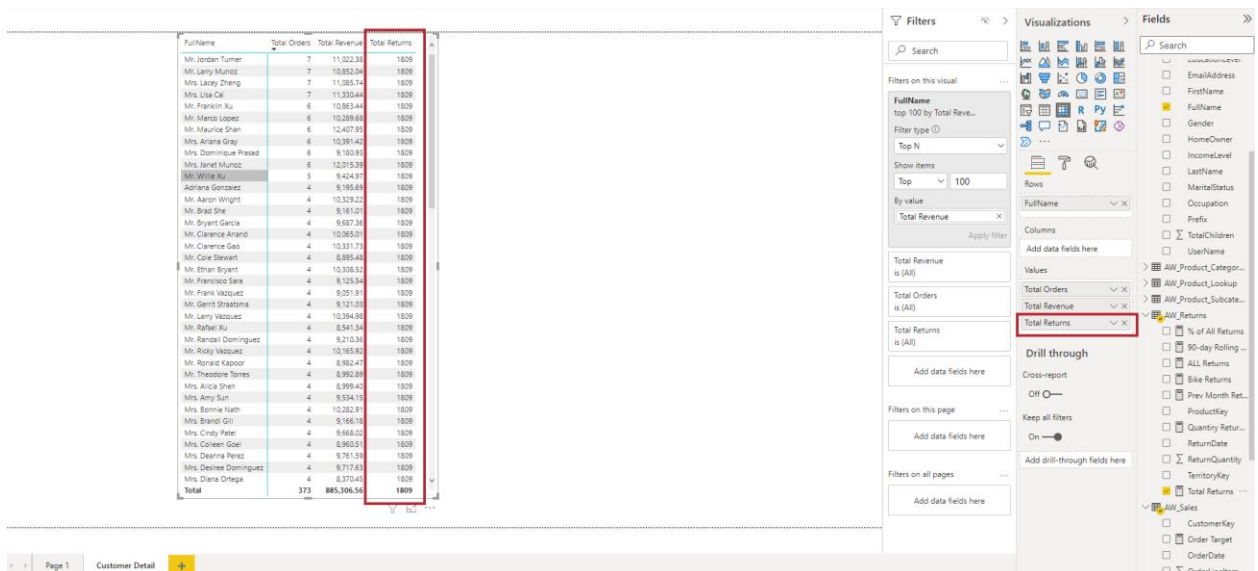
The screenshot displays the Power BI interface. On the left, a Matrix Visual shows a table with columns: FullName, Total Orders, and Total Revenue. The data is sorted by Total Revenue in descending order, showing the top 100 customers. The bottom row of the matrix shows a total of 373 orders and 885,306.56 revenue. On the right, the Fields pane is visible. The 'Filters' section shows 'FullName' filtered by 'Top 100 by Total Revenue'. The 'Visualizations' section shows the matrix visual. The 'Fields' section shows the available fields, with 'Total Orders' and 'Total Revenue' highlighted in red boxes.

FullName	Total Orders	Total Revenue
Mr. Jordan Turner	7	11,022.38
Mr. Larry Munoz	7	10,862.94
Mrs. Lucy Zheng	7	11,085.74
Mrs. Lisa Cai	7	11,330.44
Mr. Franklin Xu	6	10,863.44
Mr. Marco Lopez	6	10,289.68
Mr. Maurice Shan	6	10,407.95
Mrs. Ariana Gray	6	10,391.42
Mrs. Dominique Prasad	6	9,180.93
Mrs. Janet Munoz	6	10,915.39
Mr. Willie Xu	5	9,424.97
Ashana Gonzalez	4	9,199.69
Mr. Aaron Wright	4	10,329.22
Mr. Brad She	4	9,167.01
Mr. Bryant Garcia	4	9,687.36
Mr. Clarence Anand	4	10,065.01
Mr. Clarence Gale	4	10,331.73
Mr. Cole Stewart	4	8,895.48
Mr. Ethan Bryant	4	10,308.52
Mr. Francisco Sara	4	9,125.54
Mr. Frank Vazquez	4	9,051.91
Mr. Gerrit Straatsma	4	9,121.03
Mr. Larry Vazquez	4	10,394.98
Mr. Rafael Xu	4	8,541.34
Mr. Rafael Dominguez	4	9,210.36
Mr. Ricky Vazquez	4	10,165.92
Mr. Ronald Kapoor	4	8,982.47
Mr. Theodore Torres	4	8,992.89
Mrs. Alicia Sren	4	8,999.40
Mrs. Amy Sun	4	9,534.15
Mrs. Bonnie Nath	4	10,282.91
Mrs. Brandt Gill	4	9,166.18
Mrs. Cindy Patel	4	8,668.02
Mrs. Corleen Goei	4	8,960.31
Mrs. Deanna Perez	4	9,761.59
Mrs. Denise Dominguez	4	9,719.63
Mrs. Diana Ortega	4	8,370.45
Total	373	885,306.56

Cách tạo Filter Top 100:



Sau đó, các bạn sẽ thêm Measures **Total Returns** (Trong bảng AW_Returns) vào Values cho Matrix và xem điều gì xảy ra, giải thích tại sao ?

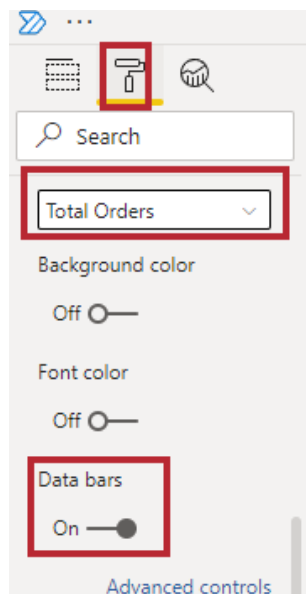


1.2 Sắp xếp Matrix Visual

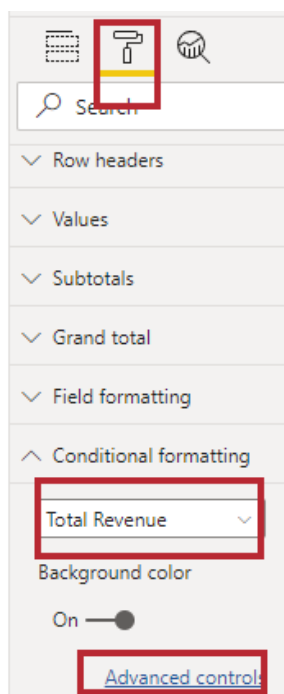
Sắp xếp Matrix Visual theo **Total Revenue** và hiển thị tên khách hàng có **Total Revenue** cao nhất (Đáp án: **Mr. Maurice Shan** với **Total Revenue** là **12,407.95**)

1.3 Định cột có điều kiện cho Matrix Visual

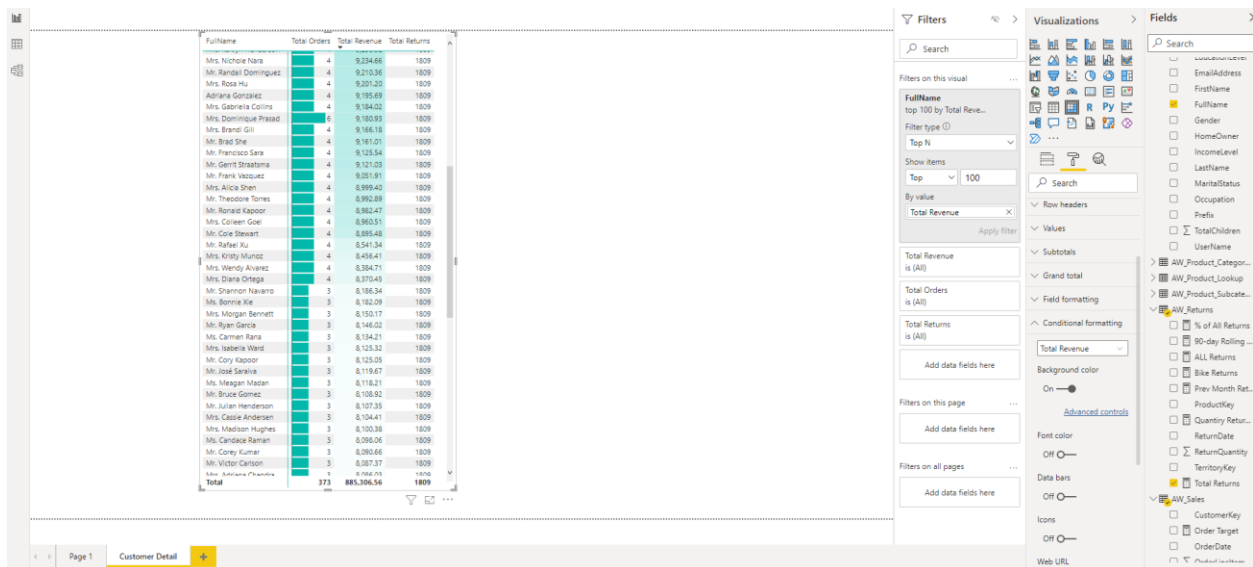
Để thiết lập Bar chart cho cột **Total Orders**, các bạn cần bật chế độ **Data bars** đối với cột **Total Orders**



Để thiết lập Background cho cột **Total Revenue**, các vào cài đặt Background color đối với cột **Total Revenue**:



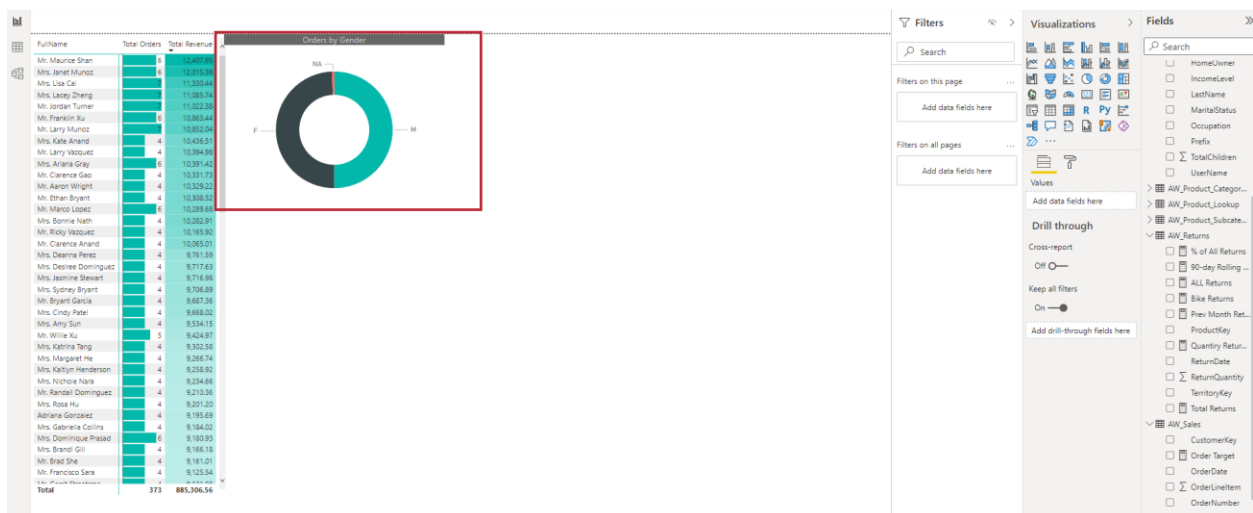
Các bạn có thể thiết lập với màu sắc bất kỳ.



2. Tạo Donut Chart

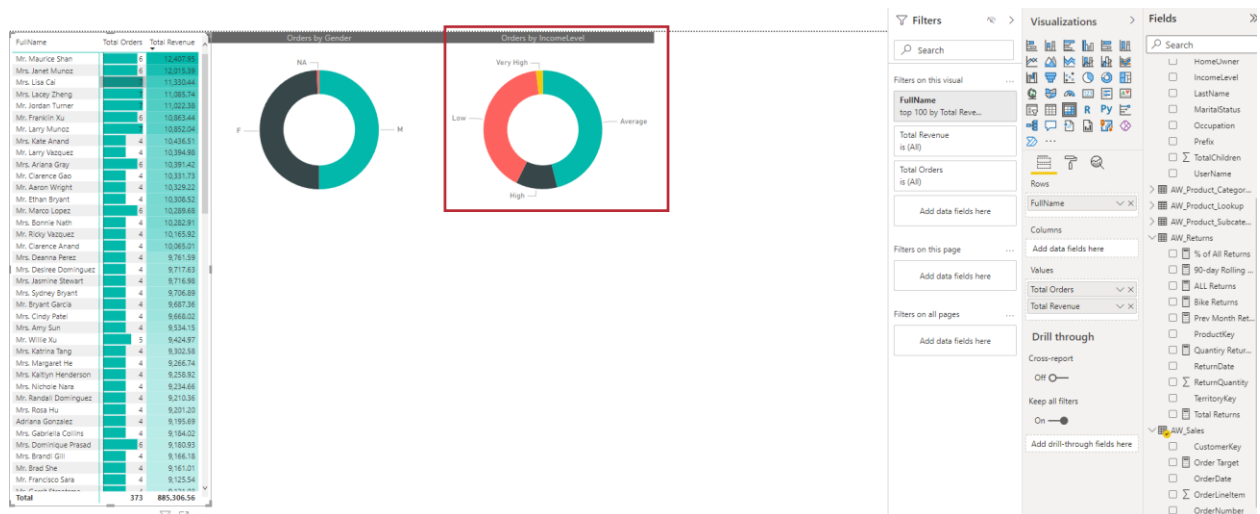
2.1 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo Gender (giới tính)

Đặt title cho biểu đồ "Orders by Gender" và điều chỉnh định dạng cho tiêu đề theo yêu cầu sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt



2.2 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo IncomeLevel (mức thu nhập)

Đặt title cho biểu đồ "Orders by IncomeLevel" và điều chỉnh định dạng cho tiêu đề theo yêu cầu sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt.



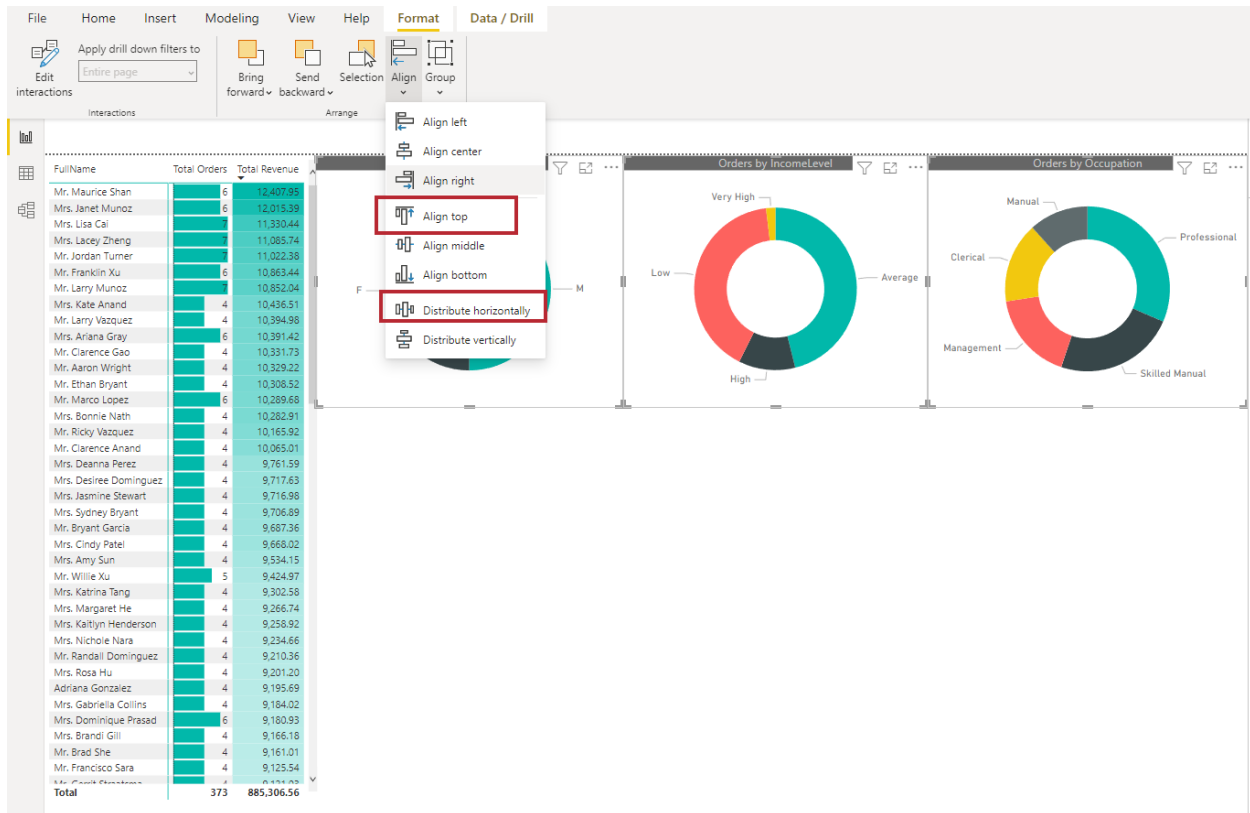
2.3 Tạo Dount Chart để hiển thị Total Orders theo Occupation (nghề nghiệp)

Đặt title cho biểu đồ "Orders by Occupation " và điều chỉnh định dạng cho tiêu đề theo yêu cầu sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt.



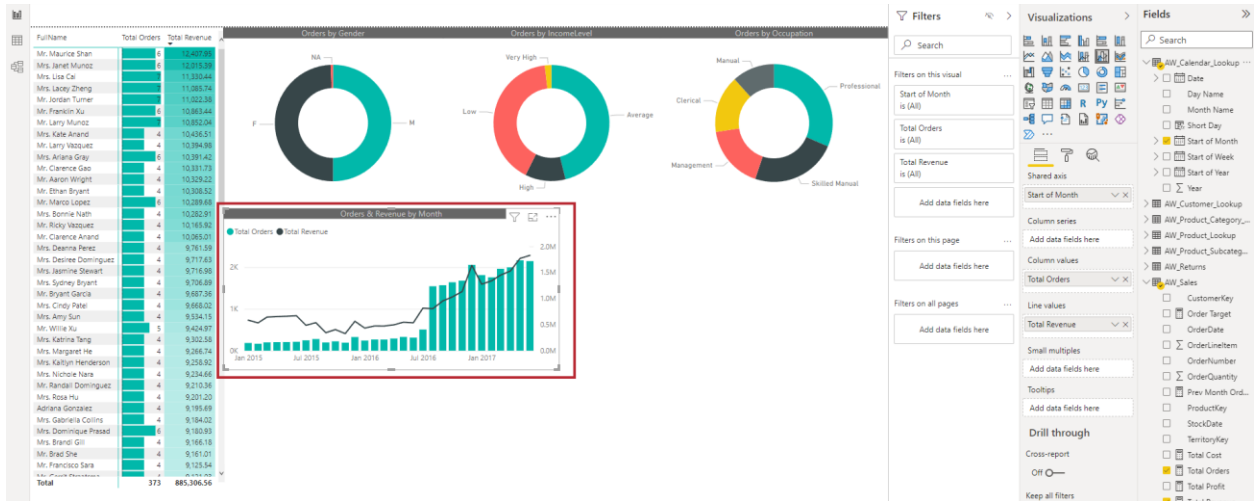
2.4 Căn chỉnh toàn bộ Dount Chart

Nhấn giữ Ctrl và chọn ba biểu đồ Dount Chart, sau đó vào Format > Align, và chọn Align Top và Distribute horizontally



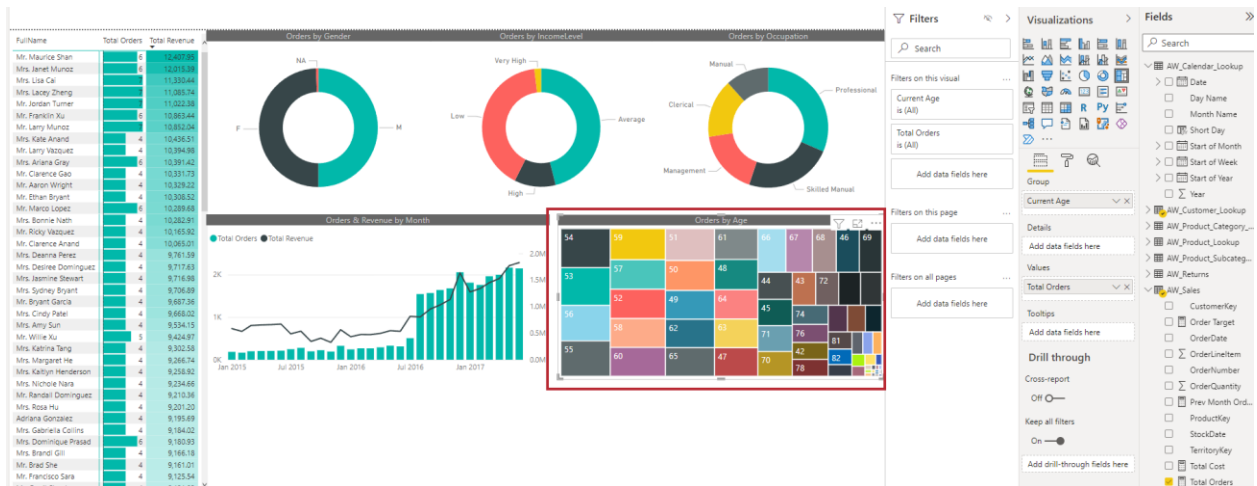
3. Tạo biểu đồ Line và Clustered Column

Thêm biểu đồ Line và Clustered Column để hiển thị Total Orders (Column series) và Total Revenue (Line values), Start of Month (Shared axis) (Start of Month trong bảng AW_Calendar_LOOKUP). Sau khi tạo thành công, đặt tiêu đề cho biểu đồ là “Orders & Revenue by Month” và điều chỉnh định dạng cho tiêu đề theo yêu cầu sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt.



4. Tạo Treemap

Tạo Treemap để hiển thị Total Orders theo từng nhóm Current Age. Sau khi tạo biểu đồ thành công, đặt tiêu đề cho biểu đồ là “Orders by Age” và điều chỉnh định dạng cho tiêu đề theo yêu cầu sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt.



5. Tạo Card

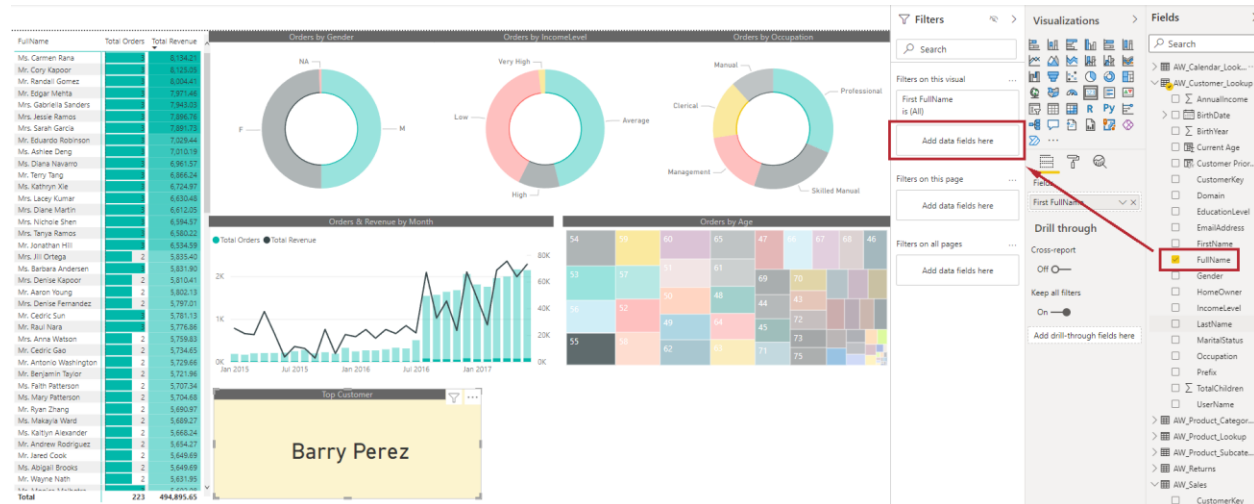
5.1 Tạo FullName Card theo các yêu cầu

- Tắt chế độ Category label

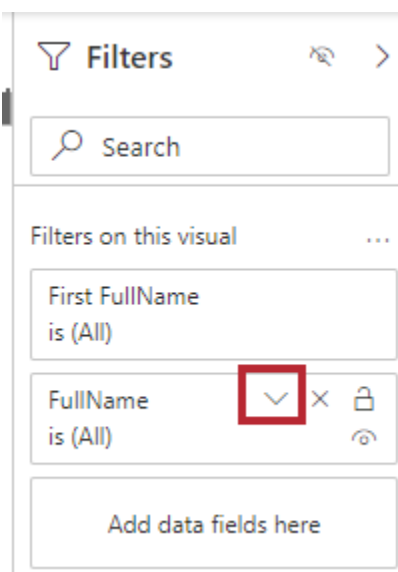
- Định dạng với nền màu vàng nhạt
- Định dạng tiêu đề như sau: căn giữa, nền màu xám, phông chữ màu xám nhạt.
- Tạo bộ Filter Full Name theo Total Revenue để hiện thị ra khách hàng có Total Revenue cao nhất (Top-1)

Hướng dẫn tạo bộ Filter cho FullName Card:

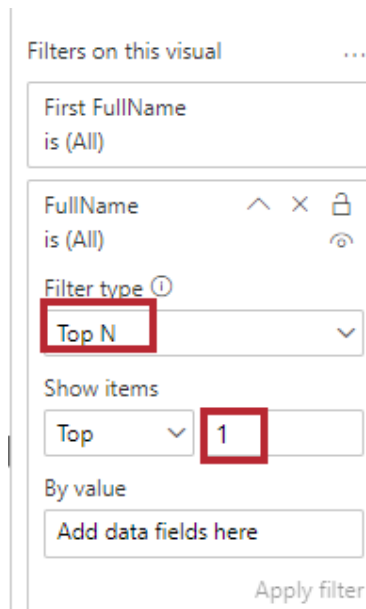
Bước 1: kéo FullName vào Filter (bạn phải chắc chắn rằng đang thực hiện trên FullName Card)



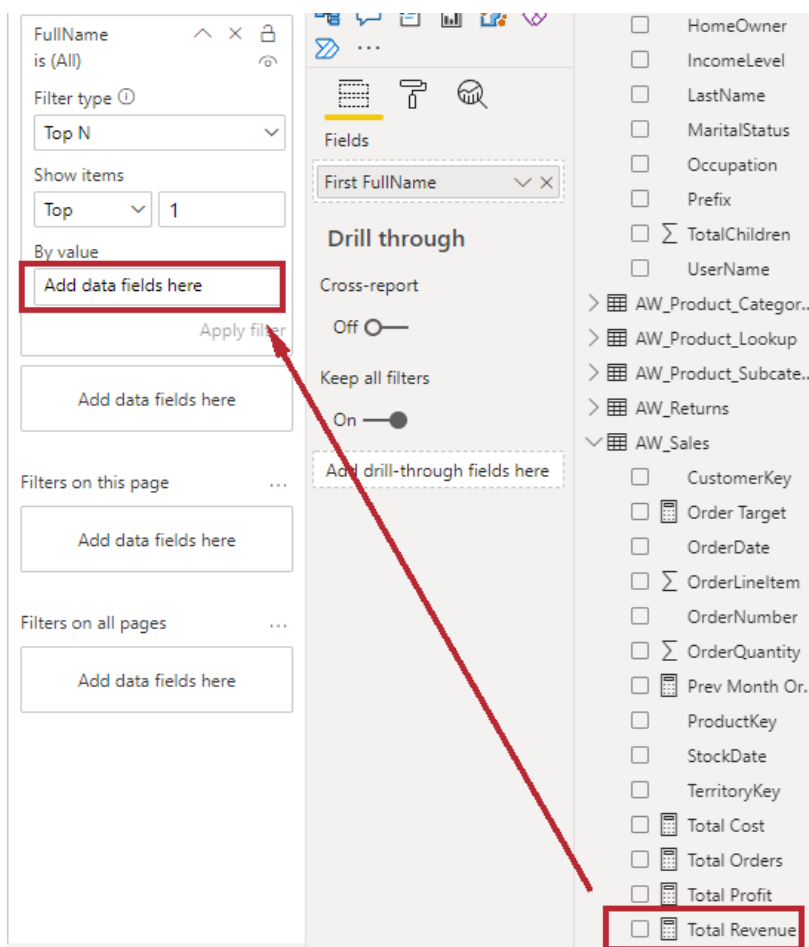
Bước 2: Chọn mũi tên xuống:



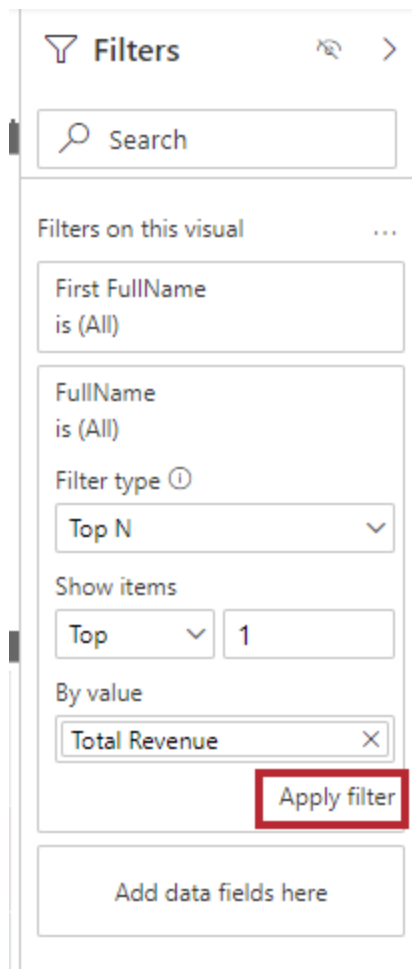
Bước 3: Chọn Filter Type là Top N và nhập 1:



Bước 4: Kéo Total Revenue vào By value:

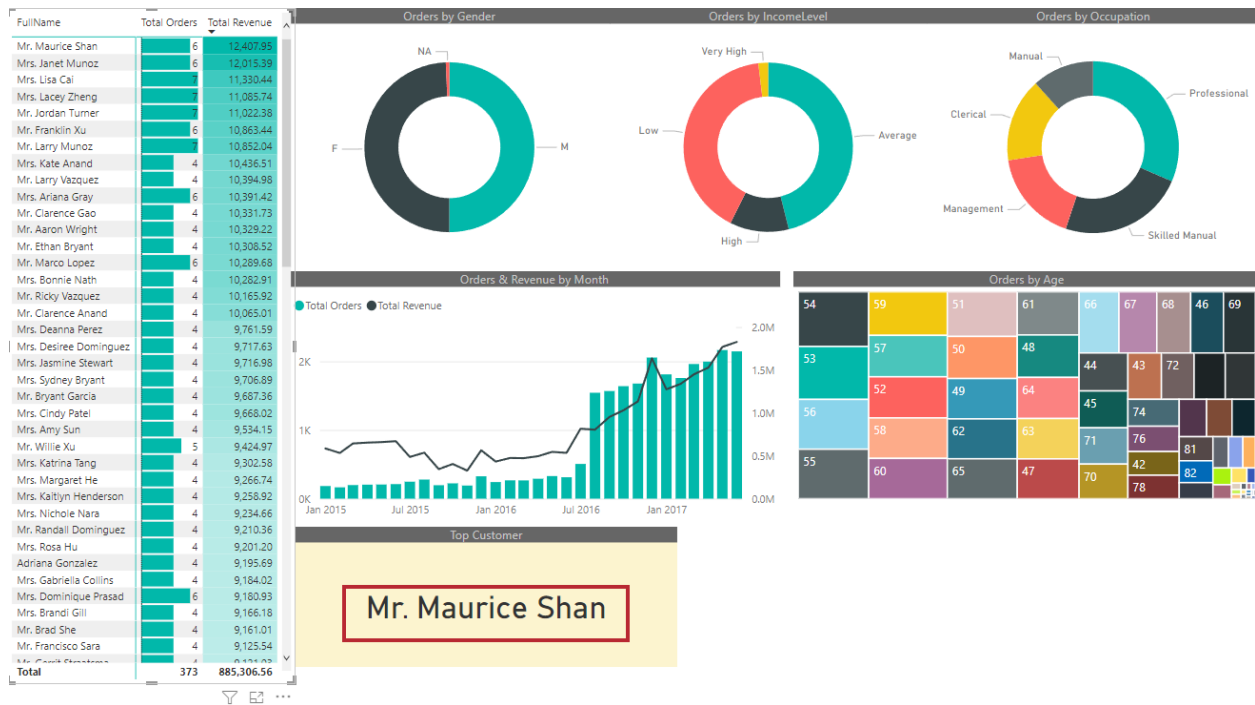


Bước 5: Nhấn Apply Filter:



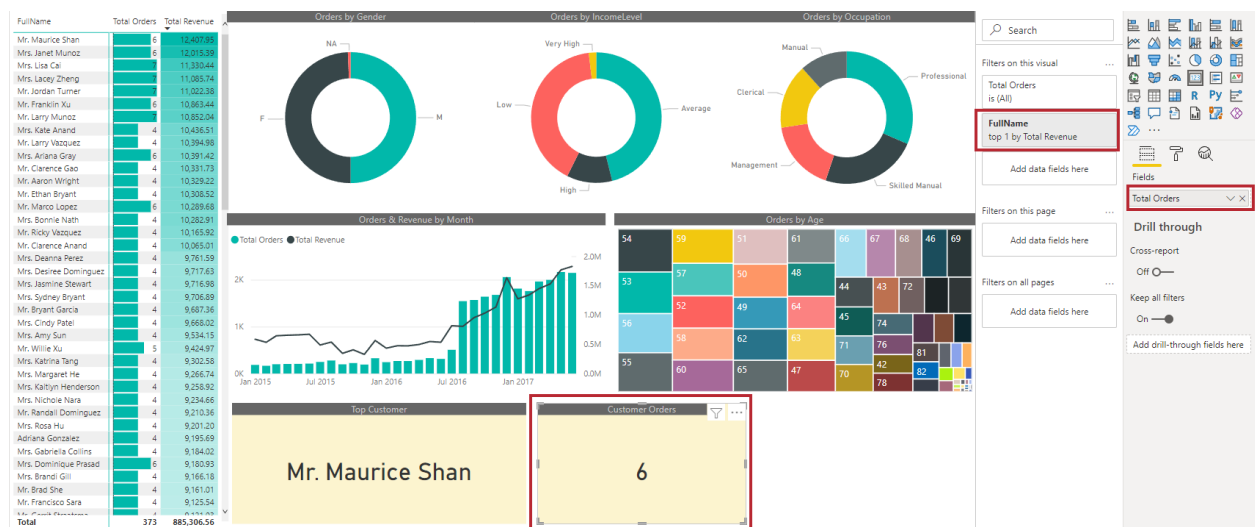
The screenshot shows the 'Filters' pane in a data visualization tool. At the top, there is a search bar. Below it, the section 'Filters on this visual' contains two filter cards. The first card is for 'First FullName' with the value 'is (All)'. The second card is for 'FullName' with the value 'is (All)'. Below the 'FullName' card, the 'Filter type' is set to 'Top N'. The 'Show items' section shows 'Top' and the number '1'. The 'By value' section shows 'Total Revenue'. At the bottom of the filter configuration, there is a red-bordered button labeled 'Apply filter'. Below the filter configuration, there is a button labeled 'Add data fields here'.

Sau khi thực hiện xong, các bạn có thể thấy FullName Card đã hiển thị tên khách hàng có Total Revenue lớn nhất:



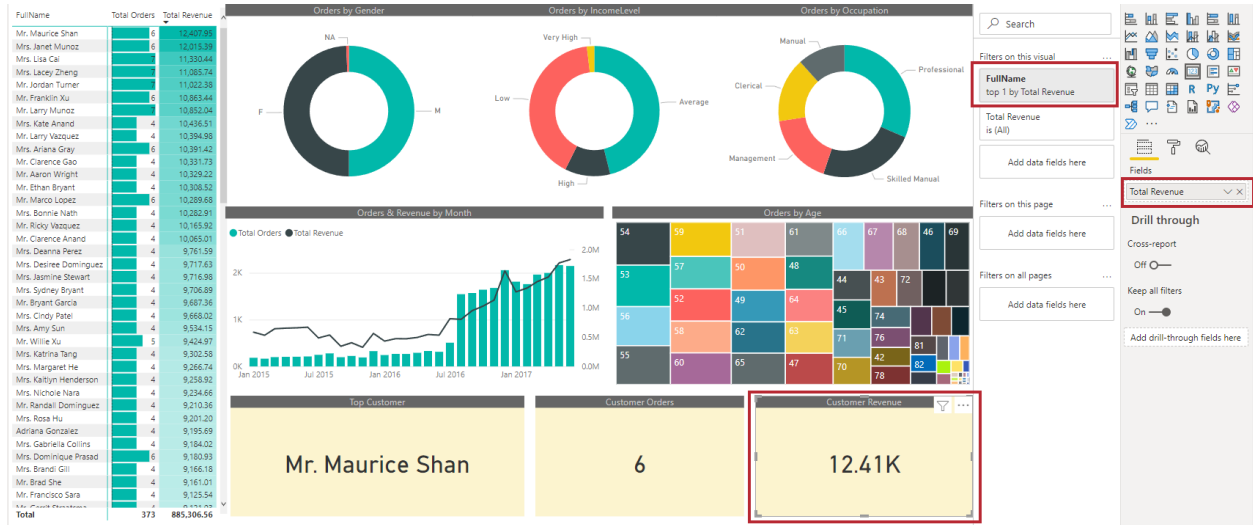
5.2 Tạo Total Orders Card

Tạo Card từ Total Order và đặt tên cho tiêu đề là Customer Orders. Định dạng Card và cài đặt bộ Filter tương tự như yêu cầu 5.1



5.3 Tạo Total Revenue Card

Tạo Card từ Total Revenue và đặt tên cho tiêu đề là “Customer Revenue”. Định dạng Card và cài đặt bộ Filter tương tự như yêu cầu 5.1



6. Lưu lại file thực hành với định dạng .pbix